

KUOC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *1217*/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *17* tháng 04 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-TTg, ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định 3589/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ từ thực tiễn trong quá trình thực hiện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tại Tờ trình số 1039/TTr-SNN ngày 30/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao) tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 (Bộ tiêu chí kèm theo).

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao) của tỉnh để các xã đạt chuẩn nông thôn mới làm cơ sở để tiếp tục giữ vững, duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt, đảm bảo tính bền vững nhằm thúc đẩy phong trào phát triển ở mức cao hơn.

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao) chỉ xác định những tiêu chí, chỉ tiêu mới hoặc yêu cầu đạt ở mức độ cao hơn, không lặp lại các tiêu chí và các chỉ tiêu không thay đổi trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đã ban hành theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, do đó xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, ngoài việc đạt được các tiêu chí, chỉ tiêu

theo Bộ tiêu chí này, phải đảm bảo duy trì đạt các tiêu chí và chỉ tiêu khi được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao) của tỉnh sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và tình hình thực tế ở địa phương trong từng giai đoạn.

Điều 2. Trách nhiệm của các Sở, ngành trong việc phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa tổ chức thực hiện các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu thuộc chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành phụ trách:

1. Sở Xây dựng chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí số 1, tiêu chí số 9.

2. Sở Giao thông Vận tải chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí số 2.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí số 3; các chỉ tiêu 10.2, 10.3, 10.4 (tiêu chí số 10); các chỉ tiêu 13.2, 13.3 (tiêu chí số 13); chỉ tiêu 17 (tiêu chí số 17).

4. Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí số 4, tiêu chí số 7.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí số 5, tiêu chí số 14.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các chỉ tiêu 16.1, 16.3, 16.4 (tiêu chí số 6).

7. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí số 8.

8. Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 10.1 (tiêu chí số 10).

9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí số 11, tiêu chí số 12.

10. Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 13.1 (tiêu chí số 13).

11. Sở Y tế chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với tiêu chí số 15; chỉ tiêu 17.5 (tiêu chí số 17).

12. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 16.2 (tiêu chí số 16); chỉ tiêu 18.4 (tiêu chí số 18).

13. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các chỉ tiêu 17.2, 17.3, 17.4, 17.6 (tiêu chí số 17).

14. Sở Nội vụ chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các chỉ tiêu 18.1, 18.2 (tiêu chí số 18).

15. Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 18.3 (tiêu chí số 18).

16. Công an tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá, xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 19.1 (tiêu chí số 19).

17. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì, hướng dẫn thực hiện, đánh giá xây dựng kế hoạch, lộ trình và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với chỉ tiêu 19.2 (tiêu chí số 19).

18. Các sở, ngành đã được phân công phụ trách các tiêu chí và chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu có trách nhiệm xây dựng kế hoạch giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí và chỉ tiêu của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, thường xuyên kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các tiêu chí và chỉ tiêu này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương:

- Công bố Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao). Hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch, tổng hợp, lập kế hoạch hàng năm của tỉnh trên cơ sở kế hoạch của các ngành, địa phương. Lập báo cáo đánh giá và công bố mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu của toàn tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

- Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng quy định xét công nhận xã đạt chuẩn “Nông thôn mới kiểu mẫu” báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi chung là UBND cấp huyện) có trách nhiệm hướng dẫn các xã đánh giá, tổng hợp và công bố mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu từng xã của huyện. Kết quả báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh; đồng thời gửi các sở, ngành có liên quan trước ngày 20 tháng 10 hàng năm.

3. UBND các xã đạt chuẩn nông thôn mới căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu (nâng cao) của tỉnh để đánh giá tỷ lệ kết quả đạt được trong năm và báo cáo gửi về UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

4. Các sở, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các địa phương, theo dõi, đánh giá các tiêu chí từng huyện. Hàng năm, trước khi công bố kết quả đánh giá các tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu do ngành đảm trách, phải có sự thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh và Cục Thống kê tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao của UBND tỉnh.

Điều 5: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5 (thực hiện);
- Ban Chỉ đạo TW CTMTQG XDNTM;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối TW CTMTQG XDNTM;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối CTXD NTM tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN, KT, ĐT, VX, NC.

(Khoa.Cnn/121.botieuchiNTMkiemau)



Đình Quốc Thái

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TỈNH ĐỒNG NAI GIẢI ĐOẠN 2016-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
I. QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, công bố quy hoạch	Đạt
		1.2. Không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	≥ 70% (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa)
		2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	≥ 50% (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa)
		2.4. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”	100%
		2.5. Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”	≥ 70%
		2.6. Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn (trừ	≥ 85%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
		trường hợp thiếu nguồn nước, kể cả nước ngầm)	
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa	100%
4	Điện	Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch.	≥ 85%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS, được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia	≥ 75%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Trung tâm Văn hóa – Thể thao học tập cộng đồng xã, Nhà văn hóa ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả	100%
7	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn chợ văn hóa theo chuẩn của tỉnh và không có tụ điểm kinh doanh tự phát trên địa bàn	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	Đảm bảo cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng	≥ 99%
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập và Phát triển sản xuất	10.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm	Năm 2016: ≥ 51 triệu
			Năm 2017: ≥ 58 triệu
		10.2. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá thực tế)	Năm 2016: ≥130 triệu
			Năm 2017: ≥140 triệu
		10.3. Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp	> 80%
	10.4. Tỷ lệ diện tích đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản chủ lực theo quy hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới	≥ 50%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 theo chuẩn của tỉnh	< 1%
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	12.1. Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 95%
		12.2. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên	≥ 60%
13	Hình thức tổ chức sản xuất	13.1. Tỷ lệ Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	≥ 80%
		13.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB	≥ 50%
		13.3. Xã có chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt
IV. VĂN HÓA – XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục	14.1. Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo	100%
		14.2. Tỷ lệ huy động trẻ (từ 12 đến 36 tháng tuổi) vào nhà trẻ	≥ 50%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	≥ 90%
		15.2. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khu vực nông thôn	< 1%
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	< 8%
16	Văn hóa	16.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định	Đạt
		16.2. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	100%
		16.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	≥ 99%
		16.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã vi phạm quy	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
		định pháp luật	
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định	≥ 70%
		17.2. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 97%
		17.4. Xã có tổ chức tự quản về môi trường	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người	100%
		17.6. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh – sạch – đẹp”	≥ 90%
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống tổ chức chính trị	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của tỉnh	Đạt
		18.2. Xã có bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới	Đạt
		18.3. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt danh hiệu vững mạnh	Đạt
		18.4. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã	≥ 90%
19	An ninh – Quốc phòng	19.1. An ninh trật tự xã hội được giữ vững; Xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự	Đạt
		19.2. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng	Đạt
	19 tiêu chí	47 chỉ tiêu	